ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN THỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số 08 /QĐ-UBND	*Tân Thịnh, ngày 06 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai Tình hình mua sắm tài sản công năm 2021của phường Tân Thịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN THỊNH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bột Tài chính về việc Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ tình hình mua sắm tài sản công năm 2021 của UBND phường Tân Thịnh;

Xét đề nghị của Ban Tài chính phường Tân Thịnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình mua sắm tài sản côngnăm 2021của phường Tân Thịnh (Theo các biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND phường Tân Thịnh Ban Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- UBND TP TN; - Phòng TC KH TP;
- Đảng ủy Phường;
- HĐND phường;
- Các tổ chức đoàn thể ở phường;
- Các tổ dân phố;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trịnh Xuân Luyện

Bộ, nghành, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Tên đơn vị: UBND Phường Tân Thịnh
Mã đơn vị: T55046025

Biểu số: 01C-ĐK/TSNN

BÁO CÁO TĂNG GIẢM TÀI SẢN NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
Chi tiết tài sản đến bậc: 6

ĐVT cho: Diện tích đất là: m²; Diện tích nhà là: m²; Số lượng là: Cái/ Chiếc; Giá trị là: Đồng

Tài sản	Mã số	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
Đất	**1**	**1**	**1.970,00**	**6.895.000.000**							**1**	**1.970,00**	**6.895.000.000**
Đất trụ sở	**101**	**1**	**1.970,00**	**6.895.000.000**							**1**	**1.970,00**	**6.895.000.000**
Đất trụ sở UBND phường Tân Thịnh	T55046025-101-1	1	1.970,00	6.895.000.000							1	1.970,00	6.895.000.000
Nhà, công trình xây dựng	**2**	**1**	**1.265,00**	**2.393.622.000**							**1**	**1.265,00**	**2.393.622.000**
Nhà cấp IV	**205**	**1**	**1.265,00**	**2.393.622.000**							**1**	**1.265,00**	**2.393.622.000**
Trụ sở đảng Uỷ HĐND và UBND phường	T55046025-205-27	1	1.265,00	2.393.622.000							1	1.265,00	2.393.622.000
Vật kiến trúc	**3**	**8**	**5.085,41**	**3.590.121.597**							**8**	**5.085,41**	**3.590.121.597**
Các vật kiến trúc khác	**304**	**8**	**5.085,41**	**3.590.121.597**							**8**	**5.085,41**	**3.590.121.597**
Đường bê tông tổ 8 + tổ 19	T55046025-304-17	1	1.280,00	316.237.000							1	1.280,00	316.237.000
Đường nhựa tổ 6B	T55046025-304-15	1	400,00	95.837.597							1	400,00	95.837.597
Đường bê tông tổ 5 + tổ 14	T55046025-304-20	1	1.305,00	315.047.000							1	1.305,00	315.047.000
Đường br tông tổ 48-51	T55046025-304-21	1	420,00	82.012.000							1	420,00	82.012.000
Đường bê tông trường Lê Văn Tám	T55046025-304-19	1	440,00	84.029.000							1	440,00	84.029.000
Đương bê tông xi măng tổ 01	T55046025-209-33	1	830,41	2.636.564.000							1	830,41	2.636.564.000
Đường bê tông tổ 05	T55046025-304-11	1	300,00	44.250.000							1	300,00	44.250.000

Đường bê tông tổ 7a	T55046025-304-16	1	110,00	16.145.000							1	110,00	16.145.000
Máy móc, thiết bị	**6**	**16**		**267.167.228**	**2**		**21.900.000**				**18**		**289.067.228**
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	**601**	**12**		**146.106.000**	**2**		**21.900.000**				**14**		**168.006.000**
Máy vi tính để bàn	**60101**	**5**		**64.726.000**	**2**		**21.900.000**				**7**		**86.626.000**
Máy vi tính Đông Nam Á	T55046025-60101-53				1		10.950.000				1		10.950.000
Bô máy vi tính đông nan á + máy In 2900	T55046025-501-13	1		10.732.000							1		10.732.000
Máy tính sách tay HP	T55046025-501-10	1		12.930.000							1		12.930.000
Bộ Máy Vi tính Đông nam á	T55046025-501-8	1		8.030.000							1		8.030.000
Máy vi tính Đông Nam Á	T55046025-60101-54				1		10.950.000				1		10.950.000
Bộ máy tính HP	T55046025-501-25	1		22.990.000							1		22.990.000
Bộ máy tính đông nam á +máy in 3050	T55046025-501-12	1		10.044.000							1		10.044.000
Máy vi tính xách tay(hoặc thiết bị điện tử tương đương)	**60102**	**1**		**13.000.000**							**1**		**13.000.000**
Máy vi tính xách tay	T55046025-60102-47	1		13.000.000							1		13.000.000
Máy điều hòa không khí	**60107**	**2**		**42.760.000**							**2**		**42.760.000**
Điều hòa nhiệt độ Na ga Ka Wa(2 treo tường +1 cây)	T55046025-518-5	1		31.610.000							1		31.610.000
Máy điều hòa không khí	T55046025-518-6	1		11.150.000							1		11.150.000
Bộ bàn ghế tiếp khách	**60109**	**3**		**15.500.000**							**3**		**15.500.000**
Bộ bàn ghế tiếp khách (bàn gỗ mặt kính ghế bọc da giả)	T55046025-522-22	1		5.000.000							1		5.000.000

Bộ bàn ghế tiếp khách (Bàn gỗ mặt kính, ghê bọc da giả)	T55046025-522-18	1		5.000.000						1		5.000.000
Bộ bàn ghế sa lông tiếp khách bọc ni kiểu Hông Kong	T55046025-522-23	1		5.500.000						1		5.500.000
Bàn ghế họp	**60110**	**1**		**10.120.000**						**1**		**10.120.000**
Bộ bàn họp chữ o gỗ công nghiệp (0,60 x0.75 x9)	T55046025-523-3	1		10.120.000						1		10.120.000
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị	**602**	**4**		**121.061.228**						**4**		**121.061.228**
Máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị	**60202**	**4**		**121.061.228**						**4**		**121.061.228**
Máy chiếu	**6020201**	**1**		**15.000.000**						**1**		**15.000.000**
Máy chiếu	T55046025-6020201-48	1		15.000.000						1		15.000.000
Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	**6020204**	**1**		**13.500.000**						**1**		**13.500.000**
Ty vi Panasonic 42PV 80H	T55046025-510-7	1		13.500.000						1		13.500.000
Thiết bị âm thanh	**6020207**	**2**		**92.561.228**						**2**		**92.561.228**
Bọ bàn trộn + loa	T55046025-513-2	1		12.980.000						1		12.980.000
Bộ loa, âm thanh tại phòng hội trưởng tầng 3 phục vụ hoạt động của Đảng ủy-HĐND- UBND phường Tân Thịnh	T55046025-6020207-52	1		79.581.228						1		79.581.228
Tài sản cố định hữu hình khác	**8**	**2**		**22.000.000**						**2**		**22.000.000**

Cột cờ di động khung thép góc 2 cột Inox 304	T55046025-11-35	1		16.500.000							1		16.500.000
Quốc huy	T55046025-11-24	1		5.500.000							1		5.500.000
Tài sản cố định vô hình	**12**	**1**		**5.000.000**							**1**		**5.000.000**
Phần mềm ứng dụng	**1204**	**1**		**5.000.000**							**1**		**5.000.000**
Phần mềm quản lý tài sản nhà nước	T55046025-1204-26	1		5.000.000							1		5.000.000
Tài sản cố định đặc thù	**13**	**3**		**18.000.000**							**3**		**18.000.000**
Bục tượng Bác	T55046025-13-50	1		5.000.000							1		5.000.000
Bục phát biểu	T55046025-13-51	1		5.000.000							1		5.000.000
Bàn hội trường	T55046025-13-49	1		8.000.000							1		8.000.000
Danh mục TSCĐ thuộc trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b khoản 3 Điều 3 thông tư số 45/2018/TT-BTC	**14**	**10**		**73.052.000**							**10**		**73.052.000**
Máy móc, thiết bị văn phòng	**1411**	**10**		**73.052.000**							**10**		**73.052.000**
Bộ bàn ghế ngồi làm việc	**141121**	**1**		**5.000.000**							**1**		**5.000.000**
Bộ bàn ghế làm việc phòng phó chủ tịch UBND phường	T55046025-141121-38	1		5.000.000							1		5.000.000
Bộ bàn ghế tiếp khách	**141122**	**1**		**5.000.000**							**1**		**5.000.000**
Bộ bàn ghế tiếp khách	T55046025-141122-44	1		5.000.000							1		5.000.000
Bàn ghế phòng họp, hội trường, lớp học	**141123**	**3**		**24.000.000**							**3**		**24.000.000**
Bàn gỗ phòng hội trường	T55046025-141123-39	1		8.000.000							1		8.000.000

Bằn gỗ phòng hội trường	T55046025-141123-40	1		8.000.000							1		8.000.000
Bàn gỗ phòng hội trường	T55046025-141123-41	1		8.000.000							1		8.000.000
Tủ, giá kệ đựng tài liệu hoặc trưng bày hiện vật	**141124**	**2**		**10.000.000**							**2**		**10.000.000**
Tủ gỗ 4 buồng	T55046025-141124-42	1		5.000.000							1		5.000.000
Tủ đựng hồ sơ	T55046025-141124-43	1		5.000.000							1		5.000.000
Máy vi tính để bàn	**14111**	**3**		**29.052.000**							**3**		**29.052.000**
Máy vi tính để bàn	T55046025-14111-45	1		9.450.000							1		9.450.000
Máy vi tính đồng bộ Đông Nam Á	T55046025-14111-36	1		9.980.000							1		9.980.000
Máy vi tính đồng bộ Đông Nam Á	T55046025-14111-37	1		9.622.000							1		9.622.000
TỔNG CỘNG		**42**	**8320,41**	**13.263.962.825**	**2**		**21.900.000**				**44**	**8.320,41**	**13.285.862.825**

,Ngày ..... tháng ..... năm .....

Chức danh người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chức danh kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chức danh thủ trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ, tên)

U.B.N.D PHƯỜNG TÂN THỊNH T.P THÁI NGUYÊN T. THÁI NGUYÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trịnh Xuân Luyện

Bộ, ngành, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Tên đơn vị: UBND Phường Tân Thịnh
Mã đơn vị: T55046025

Biểu số 01D - ĐK/TSNN

BÁO CÁO TĂNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

Chi tiết tài sản đến bậc : 6;

ĐVT cho: Diện tích đất là: m²; Diện tích nhà là: m²; Số lượng là: Cái/ Chiếc; Giá trị là: Đồng

Tài sản	Mã số	Năm đưa vào sử dụng	Cấp nhà hoặc số chỗ ngồi, tải trọng hoặc thông số kỹ thuật	Số lượng tài sản	Diện tích	Tỷ lệ chất lượng còn lại(%)	Nguyên giá			Giá trị còn lại
							Tổng cộng	Trong đó		
								Ngân sách	Nguồn khác	
Máy móc, thiết bị	**6**			**2**			**21.900.000**	**21.900.000**		**17.520.000**
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	**601**			**2**			**21.900.000**	**21.900.000**		**17.520.000**
Máy vi tính để bàn	**60101**			**2**			**21.900.000**	**21.900.000**		**17.520.000**
Máy vi tính Đông Nam Á	T55046025-60101-54	2021	Máy vi tính để bàn	1		80	10.950.000	10.950.000		8.760.000
Máy vi tính Đông Nam Á	T55046025-60101-53	2021	Máy vi tính để bàn	1		80	10.950.000	10.950.000		8.760.000
Tổng cộng				**2**			**21.900.000**	**21.900.000**		**17.520.000**

,Ngày ..... tháng ..... năm .....

Chức danh người lập biểu
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Chức danh kế toán trưởng
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Chức danh thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trịnh Xuân Luyện

Bộ, ngành, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Tên đơn vị: UBND Phường Tân Thịnh
Mã đơn vị: T55046025

Biểu mẫu số 01E-ĐK/TSNN

BÁO CÁO GIẢM TÀI SẢN NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
Chi tiết tài sản đến bậc: 6;
Lý do giảm:

ĐVT cho: Diện tích đất là: m²; Diện tích nhà là: m²; Số lượng là: Cái/ Chiếc; Giá trị là: Đồng

Tài sản	Mã số	Năm đưa vào sử dụng	Cấp nhà hoặc số chỗ ngồi, tải trọng hoặc thông số kỹ thuật	Số lượng tài sản	Diện tích	Tỷ lệ chất lượng còn lại(%)	Nguyên giá			Giá trị còn lại
							Tổng cộng	Trong đó		
								Ngân sách	Nguồn khác	
TỔNG CỘNG										

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Chức danh người lập biểu
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Chức danh kế toán trưởng
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Chức danh thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trịnh Xuân Luyện